

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **250/2021/DS-PT**

Ngày: 13-12-2021

V/v: “*Yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở...và yêu cầu hủy quyết định
cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 208/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở...và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 428/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ 3, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T S**; Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Thái Văn Q**, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Thái Văn Đ; Địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: huyện P, tỉnh Quảng Nam; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tuấn N, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P. (Giấy ủy quyền ngày 09/7/2020); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1967; Có mặt.

+ Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1988; Có mặt.

+ Bà Thái Thị L, sinh năm 1992; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Thái Văn T, sinh năm 1995; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Thái Thị T, sinh năm 1986; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Gia đình bà sinh sống qua 04 thế hệ tại xóm T thôn N, xã T, huyện P. Trong quá trình sinh sống có khai hoang, canh tác diện tích đất khoảng 20.000m². Trong đó, khoảng 1.900m² đất vườn, còn lại là đất đồi được canh tác sử dụng từ thời ông bà nội còn sống, sau đó sang đời cha, chú và bây giờ chuyển sang đời bà. Phần đất có tứ cận: Phía Đ giáp ruộng, phía Tây giáp vườn ông Phan Thanh H, phía Nam giáp vườn ông Lê Văn T và phía Bắc giáp vườn bà Nguyễn Thị Đ. Diện tích đất vườn này trước đây chủ yếu trồng sắn, khoai lang để cung cấp lương thực cho người và chăn nuôi.

Với nguồn gốc diện tích đất trên, gia đình bà sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm của ai. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mất do tai nạn và bản thân bị tàn tật nên bà không có điều kiện để làm thủ tục kê khai, cấp Giấy CNQSD đất.

Năm 2007, bà được thôn trưởng mời ra giải quyết tranh chấp đất với ông Thái Văn Q, đến năm 2010 Chủ tịch UBND xã mời giải quyết lại lần nữa nhưng với hai lần giải quyết này cũng chỉ xác định diện tích đất này của ai sử dụng, chứ không có kết luận gì. Sau đó, bà vẫn tiếp tục sử dụng, canh tác trên diện tích đất này.

Đầu năm 2019, gia đình ông Thái Văn Q nhiều lần tuyên bố sẽ lấy lại đất của bà, có lời lẽ hăm dọa, thậm chí vác dao vào nhà đe dọa gia đình bà. Trước sự việc này, bà có làm đơn gửi UBND xã T yêu cầu giải quyết tranh chấp. Ngày 11/7/2019, UBND xã T đã tổ chức hòa giải nhưng kết quả không thành. Tại buổi hòa giải bà mới biết diện tích đất của bà đã được cấp Giấy CNQSD đất cho ông Thái Văn Q theo tờ bản đồ số 01, thửa đất 225, diện tích 1.594m². Diện tích đất trên do gia đình bà canh tác và sử dụng trước giải phóng đến giờ, mộ chôn của ông bà cũng tại khu đất này. Trong buổi hòa giải, ông Q cũng thừa nhận *“Tôi được cấp đất, trong giấy chứng nhận giao, nhưng tôi không được sử dụng đất này, mà bà T sản xuất, tôi đề nghị UBND giải quyết, trả lại đất cho tôi càng sớm càng tốt..”*.

Sau buổi hòa giải, ông Thái Văn Q có làm đơn khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân huyện P, nhưng sau đó ông Q rút đơn khởi kiện và tự ý đem cây trồng trên đất tranh chấp, bất chấp sự phản đối của bà.

Thời điểm năm 1996, bà có trồng khoai xiêm, hoa màu trên đất, sau có trồng thêm bạc hà. Do là người tàn tật nên trong quá trình sử dụng đất bà không kê khai theo thủ tục 299/TTg và 64/CP. Vì diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bà, được bà sử dụng ổn định không có tranh chấp nhưng UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) không có quyết định thu hồi đất của bà mà lại cấp cho ông Q là không đúng. Hơn nữa trên đất còn có tài sản của bà, do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Thái Văn Q chấm dứt hành vi cản trở, sử dụng trái phép diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 1.305,8m² tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại tổ 1, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/9/1996 cho hộ ông Thái Văn Q đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, tại tổ 1, thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam đối với phần diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế 1.305,8m².

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Văn Q trình bày:

Gia đình ông được UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp Giấy CNQSD đất ngày 23/9/1996 đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại tổ 1, thôn N, xã T, huyện P. Thời điểm cấp đất năm 1996, trong hộ ông Q gồm các thành viên là: Ông Thái Văn Q, bà Đặng Thị T, Thái Thị T, Thái Văn Đ, Thái Thị L, Thái Văn T.

Gia đình ông bắt đầu sử dụng đất tranh chấp từ tháng 11/2019 đến nay để trồng keo, trên diện tích đất tranh chấp hiện nay còn khoảng 15 cây bạc hà của

bà T đã bị đốt cháy (bị chết khô), đường kính khoảng từ 10-30cm.

Vì bà T có trồng khoảng 200 cây keo (vào tháng 7/2019) trên đất tranh chấp nên ông Đ (con ông) có nhổ cây của bà T. Ngoài ra, trên đất tranh chấp còn có 01 vị mã như bà T trình bày, gia đình ông không đồng ý theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện P trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ mục kê lập theo Nghị định 64/CP thì các thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.594m² do ông Thái Văn Q kê khai, đứng tên tại sổ mục kê đất đai. Ngày 23/9/1996, hộ ông Thái Văn Q được UBND thị xã T (cũ) cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, từ khi kê khai, đăng ký và được UBND thị xã T (cũ) cấp Giấy CNQSD đất đến nay, hộ ông Q không sử dụng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01 mà do bà Võ Thị T sử dụng sản xuất, hiện trạng đang trồng keo. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T: Buộc ông Thái Văn Q chấm dứt hành vi cản trở, sử dụng trái phép diện tích đất 1.305,8m² thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/9/1996 cho hộ ông Thái Văn Q đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m² tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Giao cho bà Võ Thị T được quyền sở hữu toàn bộ số keo (1.160 cây keo) trên diện tích đất tranh chấp 1.305,8m² tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại thôn N, xã T, huyện P. Bà Võ Thị T phải trả cho ông Thái Văn Q số tiền 4.640.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) trị giá của 1.160 cây keo trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/4/2021, bị đơn ông Thái Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của bà Võ Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

- Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn bà Võ Thị T khởi kiện buộc ông Thái Văn Q chấm dứt hành vi cản trở, sử dụng trái phép diện tích đất 1.305,8m² thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam theo Điều 169 BLDS; và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/9/1996 cho hộ ông Thái Văn Q. Nhưng cấp sơ thẩm thụ lý tranh chấp quyền sử dụng đất là mâu thuẫn, vì bà T không phải là chủ sở hữu, trái với Điều 5 BLTTDS 2015. Nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng là “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở...và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thái Văn Q, thấy rằng:

[1.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Theo Công văn số 554/UBND-TNMT ngày 19/5/2020 của UBND huyện P (bút lục 82), trên cơ sở Sổ mục kê đất đai lập theo Nghị định 64/CP, thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.594m² do ông Thái Văn Q kê khai, đứng tên tại sổ mục kê đất đai (diện tích thực tế theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.305,8m²). Ngày 23/9/1996, hộ ông Q được UBND thị xã T (cũ) cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất nêu trên, ngày 19/8/2019 thửa 225 đã được gia hạn thời hạn sử dụng đất

đến 01/12/2064; Thực tế hiện nay chủ sử dụng đất đã trồng 1.600 cây keo từ tháng 7/2019.

Theo người đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì thấy; Sau khi được cấp giấy CNQSDĐ Gia đình ông sử dụng trồng khoai sắn một thời gian, do hoàn cảnh khó khăn ông di chuyển nhà đi nơi khác bỏ đi đất vàng bị tai biến không ai quản lý, khoản thời gian này bà Võ Thị T nhà cạnh bên xin (làm rõ chia sản phẩm) sử dụng sản xuất trồng khoai xiêm. Đến năm 2007 gia đình yêu cầu Bà T trả đất thì xảy ra tranh chấp. Tại các biên bản hòa giải vào tháng 7/2019 và năm 2010 của UBND của địa phương đều khẳng định. Nguồn gốc thửa đất cấp cho ông Thái Văn Q nguyên trước đây đất ông Võ Khấu. Năm 1996 nhà nước cấp đất theo tinh thần ND/64-CP là căn cứ vào sổ nhân khẩu mỗi hộ để cấp đất sản xuất không thu tiền sử dụng đất, trong đó có hộ bà Võ Thị T, Như vậy, có cơ sở để xác định ông Q đã được cấp Giấy CNQSD đất đối với diện tích đất 1.305,8m² hiện đang trồng keo trên đất là hợp pháp.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cho rằng: Gia đình bà sinh sống qua 04 thế hệ tại xóm T thôn N, xã T, huyện P. Trong quá trình sinh sống có khai hoang, canh tác diện tích đất khoảng 20.000 m². Trong đó, khoảng 1.900m² đất vườn, còn lại là đất đồi được canh tác sử dụng từ thời ông bà nội còn sống, sau đó sang đời cha, chú và Bà T là người quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên từ sau năm 1975 đến nay nhưng không có tài liệu gì để chứng minh; Tại các biên bản hòa giải phía người khởi kiện cũng chỉ xin hoán đổi đất hoặc xin lại một phần để canh tác, chứng tỏ bà cũng đã thừa nhận đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý sử dụng của mình. Bởi lẽ; nguồn gốc đất là của ông Võ K, (đã chết) Hợp tác Xã quản lý, cấp cho Hộ Thái Văn Q là bình quân nhân khẩu lao động và quỹ đất của địa phương theo tinh thần ND/64-CP, chứ không phải giao đất theo qui định tại Điều 21 của Luật đất đai năm 1993 như nhận định của án sơ thẩm. Vì vậy, yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/9/1996 cho hộ ông Thái Văn Q đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594 m² tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam là không có căn cứ.

[1.3] Tuy nhiên, có thời gian hộ ông Q không sử dụng đất là trái với Nghị định 64/CP. Việc thu hồi hay không thuộc thẩm quyền của UBND cấp có thẩm quyền, nhưng ngày 19/8/2019 thửa 225 tờ bản đồ số 1, đã được gia hạn sử dụng hộ ông Q đến 01/12/2064; Thực tế hiện nay ông Q trồng 1.600 cây keo từ tháng 7/2019 trên đất được nhà nước công nhận là đúng. Từ các nhận định nêu trên,

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2] Do sửa án sơ thẩm nên Võ Thị T không phải trả cho ông Thái Văn Q số tiền 4.640.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) trị giá của 1.160 cây keo trên. Ông Thái Văn Q tiếp tục quản lý sử dụng 1.160 cây keo trên đất. Các vấn đề khác không có kháng cáo, cấp sơ thẩm không xét cấp phúc thẩm không đề cập;

[2.1] Đối với 200 cây keo và tài sản khác nếu có bà T có thể khởi kiện thành vụ án độc lập theo qui định pháp luật.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản là 12.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Thái Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Võ Thị T là người cao tuổi và khuyết tật nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn Q sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39, 158, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 15, 17, 54, Luật đất đai năm 2013, Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T: Buộc ông Thái Văn Q chấm dứt hành vi cản trở, sử dụng trái phép diện tích đất 1.305,8m² thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã T cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/9/1996 cho hộ ông Thái Văn Q đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m² tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Giao cho Thái Văn Q được quyền sở hữu toàn bộ số keo (1.160 cây keo) trên diện tích đất tranh chấp 1.305,8m² tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.594m², tại thôn N, xã T, huyện P. Bà Võ Thị T không phải trả cho ông

Thái Văn Q số tiền 4.640.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) trị giá của 1.160 cây keo trên.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và đo vẽ phần đất tranh chấp: Do sửa án sơ thẩm bà Võ Thị T phải chịu 12.000.000 đồng, bà T đã nộp đủ.

4. Về Án phí: Ông Thái Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/12/2021).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn